

Số: 4003/QĐ-UBND

Bình Định, ngày 26 tháng 12 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

**V/v Bổ sung kinh phí cho các đơn vị để thực hiện chế độ
trợ cấp cho cán bộ, công chức được cử đi học (đợt 3 năm 2013)**

CHỦ TỊCH UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16/12/2002 và Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 682/QĐ-UBND ngày 12/12/2012 của UBND tỉnh về việc giao dự toán ngân sách địa phương năm 2013;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 3732/TTr-STC-HCSN ngày 24/12/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung kinh phí năm 2013 cho các cơ quan, đơn vị với số tiền: **645.754.000 đồng** (Sáu trăm bốn mươi lăm triệu, bảy trăm năm mươi bốn nghìn đồng chẵn) để thực hiện chế độ trợ cấp cho cán bộ, công chức được cử đi học theo các chính sách của tỉnh (đợt 3 năm 2013). Chi tiết như Phụ lục 1 và Phụ lục 2 kèm theo Quyết định này.

Nguồn kinh phí thực hiện:

1. Sử dụng kinh phí chi cho các chính sách đào tạo của tỉnh thuộc nguồn chi sự nghiệp đào tạo năm 2013 đã được UBND tỉnh bố trí tại Quyết định số 682/QĐ-UBND ngày 12/12/2012 với số tiền là 537.000.000 đồng.

2. Sử dụng từ nguồn kinh phí sự nghiệp đào tạo học sinh Lào trong dự toán ngân sách tỉnh năm 2013 tại Quyết định số 682/QĐ-UBND ngày 12/12/2012 của UBND tỉnh với số tiền là 108.754.000 đồng.

Điều 2. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có tên tại Điều 1 có trách nhiệm sử dụng kinh phí được bổ sung đúng mục đích và thực hiện việc thanh, quyết toán tài chính theo quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Tài chính, Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./. *Se*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT Mai Thanh Thắng;
- Các Sở: Nội vụ, KH&CN;
- PVP VX;
- Lưu: VT, K9, K12, K17. *Se*



Mai Thanh Thắng



LIÊN SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC ĐI HỌC ĐƯỢC HƯỞNG TRỢ CẤP
 Theo Quyết định số 44/2007/QĐ-UBND ngày 17/12/2007 của UBND tỉnh Bình Định
 (Kèm theo Quyết định số: 4002/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của UBND tỉnh Bình Định)

ĐVT: 1.000đ

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	Số tháng đi học	Tiền học phí	Tiền tài liệu	Tiền tàu xe	Trợ cấp chung	Trợ cấp bổ sung			Tổng cộng	Ghi chú
								Cán bộ nữ	CB người dân tộc	CB có con nhỏ		
A	B	C	I	2	3	4	5	6	7	8	9	10
	TỔNG SỐ			298.219,50	6.500,00	47.847,00	66.850,00	6.187,50		1.350,00	426.954,00	
I	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh			26.437,50		10.391,00	2.700,00	975,00			40.503,50	
1	Trần Thị Huyền Trang	Phó VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	3,0	16.500,00		10.391,00	2.700,00	225,00			29.816,00	Tiến sỹ
2	Hùynh Thúy Vân	Trưởng Ban Văn hóa - Xã hội HĐND tỉnh	10,0	9.937,50				750,00			10.687,50	Thạc sỹ
II	Sở Khoa học và Công nghệ			23.075,00		1.838,00		1.050,00		1.350,00	27.313,00	
1	Lê Thị Vinh Hương	TP Kế hoạch - Tài chính		8.000,00		1.838,00					9.838,00	Tiến sỹ
2	Đào Thị Ái Thùy	TP Quản lý chuyên ngành	5,0	3.000,00				375,00			3.375,00	Thạc sỹ
3	Phan Thị Bích Hạnh	Quy hoạch PP Quản lý khoa học	9,0	7.837,50				675,00		1.350,00	9.862,50	Thạc sỹ
4	Nguyễn Tiến Nhựt	Quy hoạch PP Quản lý chuyên ngành		4.237,50							4.237,50	Thạc sỹ
III	Sở Tài chính			3.637,50							3.637,50	
1	Nguyễn Ngọc Thu	PTP Tài chính - Hành chính sự nghiệp		3.637,50							3.637,50	Thạc sỹ

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	Số tháng đi học	Tiền học phí	Tiền tài liệu	Tiền tàu xe	Trợ cấp chung	Trợ cấp bổ sung			Tổng cộng	Ghi chú
								Cán bộ nữ	CB người dân tộc	CB có con nhỏ		
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
IV	Sở Y tế Bình Định			109.875,00							109.875,00	
1	Lê Quang Hùng	Phó giám đốc		36.625,00							36.625,00	CKII
2	Nguyễn Văn Chương	TP Kế hoạch - Tài chính		36.625,00							36.625,00	CKII
3	Hà Anh Thạch	PTP Nghiệp vụ y		36.625,00							36.625,00	CKII
V	Sở Tài nguyên và Môi trường			26.337,50		5.280,00	4.900,00	525,00			37.042,50	
1	Nhữ Thị Hoàng Yến	TP Kiểm soát ô nhiễm - Chi cục BVMT	7,0			1.232,00	4.900,00	525,00			6.657,00	Thạc sỹ
2	Trần Đoàn Khoa Tiến	Giám đốc Trung tâm Quan trắc môi trường		7.837,50							7.837,50	Thạc sỹ
3	Võ Thanh Tịnh	CV Phòng Kiểm soát ô nhiễm - Chi cục BVMT		8.000,00		4.048,00					12.048,00	Tiến sỹ
4	Trần Đình Chương	Phó TP Tài nguyên Khoáng sản		10.500,00							10.500,00	Thạc sỹ
VI	Thanh Tra tỉnh			26.712,00	2.430,00	10.218,00	14.200,00				53.560,00	
1	Đào Văn Thi	Phó TP Thanh tra 4	10,0	20.362,00	950,00	4.149,00	7.000,00				32.461,00	Thạc sỹ
2	Đặng Vĩnh Sơn	TP Thanh tra 2	9,5		980,00	4.749,00	4.750,00				10.479,00	CCLLCT
3	Phan Trung	PCVP Thanh tra tỉnh	3,5	6.350,00	500,00	1.320,00	2.450,00				10.620,00	Thạc sỹ
VII	Tỉnh uỷ Bình Định			2.000,00	1.500,00	1.234,00	5.500,00				10.234,00	
*	Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ			2.000,00	1.500,00	1.234,00	5.500,00				10.234,00	
1	Lê Tuấn Thiệu	Phó Phòng Giáo dục lý luận chính trị	11,0	2.000,00	1.500,00	1.234,00	5.500,00				10.234,00	CCLLCT
VIII	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh			3.420,00	2.570,00	1.976,00	5.250,00	1.425,00			14.641,00	
1	Nguyễn Thị Thu Hà	PCT Hội Liên hiệp Phụ nữ	4,0	1.420,00	696,00			300,00			2.416,00	CCLLCT

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	Số tháng đi học	Tiền học phí	Tiền tài liệu	Tiền tàu xe	Trợ cấp chung	Trợ cấp bổ sung			Tổng cộng	Ghi chú
								Cán bộ nữ	CB người dân tộc	CB có con nhỏ		
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
2	Nguyễn Thị Hoàng Diệu	Phó Ban Tuyên giáo - Hội Liên hiệp Phụ nữ	4,5		374,00			337,50			711,50	TCLLCT- HC
3	Phùng Thị Ngọc Tuyết	Trưởng Ban Kinh tế - Xã hội, Hội LHPN	10,5	2.000,00	1.500,00	1.976,00	5.250,00	787,50			11.513,50	CCLLCT
IX	Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh			2.850,00							2.850,00	
1	Nguyễn Ngọc Trung	Cán bộ		2.850,00							2.850,00	Hỗ trợ 1/2 tiền học phí
X	Công An tỉnh Bình Định						4.900,00				4.900,00	
1	Nguyễn Hồng Định	P.ĐTrưởng phòng PC 46	1,0				350,00				350,00	Thạc sỹ
2	Huỳnh Cao Thắng	Đội Trưởng phòng PA 61	4,0				1.400,00				1.400,00	Thạc sỹ
3	Ngô Hồng Phước	P.ĐTrưởng phòng PA 88	4,0				1.400,00				1.400,00	Thạc sỹ
4	Nguyễn Phương Thái	Đội Trưởng phòng PX 14	4,0				1.400,00				1.400,00	Thạc sỹ
5	Huỳnh Thanh Thủy	Đội Trưởng phòng PA 81	1,0				350,00				350,00	Thạc sỹ
XI	Trường Cao đẳng Bình Định			26.587,50		1.381,00	700,00	900,00			29.568,50	
1	Nguyễn Công Thanh	Tổ phó - Tổ LLCT	1,0	3.150,00		1.381,00	700,00				5.231,00	Thạc sỹ
2	Võ Văn Vinh	Phụ trách phòng Công tác HSSV		6.300,00							6.300,00	Thạc sỹ
3	Huỳnh Thị Hồng Sinh	Phó trưởng Khoa Công nghệ - Thông tin	6,0	7.200,00				450,00			7.650,00	Thạc sỹ
4	Ngô Thị Nguyệt Anh	Phó TP TC-KT	6,0	6.300,00				450,00			6.750,00	Thạc sỹ
5	Trần Ngọc Hùng	Quyền Trưởng khoa Năng khiếu - GDQP		3.637,50							3.637,50	Thạc sỹ

đ

SỐ TT	HỌ VÀ TÊN	Chức vụ	Số tháng đi học	Tiền học phí	Tiền tài liệu	Tiền tàu xe	Trợ cấp chung	Trợ cấp bổ sung			Tổng cộng	Ghi chú
								Cán bộ nữ	CB người dân tộc	CB có con nhỏ		
A	B	C	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
XII	Trường Cao đẳng Y tế Bình Định			47.287,50		15.529,00	28.700,00	1.312,50			92.829,00	
1	Hoàng Thị Thanh Vy	Phó Trưởng Bộ môn Xét nghiệm	1,0	14.550,00		320,00	700,00	75,00			15.645,00	Thạc sỹ
2	Đỗ Tố Anh	Trưởng phòng TC-HC		6.937,50							6.937,50	Thạc sỹ
3	Đỗ Thị Huyền Diệu	Quy hoạch Phó trưởng Bộ môn Xét nghiệm	9,0	7.000,00		3.932,00	6.300,00	675,00			17.907,00	Thạc sỹ
4	Nguyễn Hoàng Hân	Quy hoạch Phó trưởng Bộ môn KHCB	3,0	3.500,00		1.452,00	2.100,00				7.052,00	Thạc sỹ
5	Lê Thị Năng	Quy hoạch Trưởng Bộ môn Điều dưỡng	7,5			2.225,00	5.250,00	562,50			8.037,50	Thạc sỹ
6	Đặng Thê Hiện	Quy hoạch Phó trưởng Bộ môn Điều dưỡng	20,5	15.300,00		7.600,00	14.350,00				37.250,00	Thạc sỹ

Ghi chú:

- Các cán bộ, công chức có thời gian đi học qua Tết Âm lịch tính trừ thời gian trợ cấp nghỉ 1/2 tháng.
- Số tiền thanh toán nếu thấp hơn đề nghị (nếu có) do thiếu chứng từ (hoặc chứng từ không hợp lệ).

ck

DANH SÁCH CÁN BỘ, CÔNG CHỨC ĐI HỌC NĂM 2012-2013 ĐƯỢC HƯỞNG TRỢ CẤP

Theo Quyết định Số 45/2007/QĐ-UBND ngày 17/12/2007 của UBND tỉnh
(Kèm theo Quyết định số: 403/QĐ-UBND ngày 26/12/2013 của UBND tỉnh Bình Định)

Đơn vị: Sở Giáo dục - Đào tạo Bình Định

ĐVT: 1.000đ

Số TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Cơ sở đào tạo	Tổng số	Năm 2012			Năm 2013			Ghi chú
					Số tháng đi học	Mức trợ cấp/tháng	Thành tiền	Số tháng đi học	Mức trợ cấp/tháng	Thành tiền	
A	B	C	D	1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG SỐ			218.800			44.200			174.600	
I	Số viên chức, sinh viên nhập học năm 2011			101.300						101.300	
1	Trần Tấn Thành	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn	Trường ĐH Khoa học tự nhiên - ĐH Quốc Gia Hà Nội	4.900				7	700	4.900	
2	Trần Thanh Nhã	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn	Trường ĐH Khoa học tự nhiên - ĐH Quốc Gia Hà Nội	4.900				7	700	4.900	
3	Chế Thị Hồng Thoa	Trường THPT chuyên Lê Quý Đôn	Trường ĐH Khoa học Xã hội và Nhân văn - ĐH Quốc Gia Tp.HCM	7.000				10	700	7.000	
4	Phạm Thanh Phong	Trường THPT Hùng Vương	Đại học Huế	5.600				8	700	5.600	
5	Cao Hoàng Hạ	Trường THPT Số 2 An Nhơn	Đại học Quy Nhơn	3.000				6	500	3.000	
6	Nguyễn Thị Thuý Hằng	Trường THPT Số 2 An Nhơn	Đại học Đà Nẵng	6.300				9	700	6.300	
7	Hà Văn Thống	Trường THPT Số 3 An Nhơn	Đại học Quy Nhơn	3.000				6	500	3.000	
8	Trần Diệp Oanh	Trường THPT Số 3 An Nhơn	Đại học Quy Nhơn	3.000				6	500	3.000	

Số TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Cơ sở đào tạo	Tổng số	Năm 2012			Năm 2013			Ghi chú
					Số tháng đi học	Mức trợ cấp/tháng	Thành tiền	Số tháng đi học	Mức trợ cấp/tháng	Thành tiền	
9	Đào Duy Hiếu	Trường THPT Ngô Mây	Đại học Đà Nẵng	5.600				8	700	5.600	
10	Trần Văn Hải	Trường THPT Nguyễn Hữu Quang	Đại học Đà Nẵng	5.600				8	700	5.600	
11	Phạm Văn Hạnh	Trường THPT Nguyễn Hữu Quang	Đại học Đà Nẵng	5.600				8	700	5.600	
12	Nguyễn Thanh Trường	Trường THPT Nguyễn Hữu Quang	Đại học Huế	5.600				8	700	5.600	
13	Dương Thị Tuyết	Trường THPT Nguyễn Hữu Quang	Đại học Quy Nhơn	3.000				6	500	3.000	
14	Đoàn Xuân Lộc	Trường THPT Nguyễn Hữu Quang	Đại học Đà Nẵng	5.600				8	700	5.600	
15	Đinh Văn Hòa	Trường THPT Nguyễn Hồng Đạo	Đại học Đà Nẵng	5.600				8	700	5.600	
16	Nguyễn Văn Thuận	Trường THPT Nguyễn Hồng Đạo	Đại học Quy Nhơn	3.000				6	500	3.000	
17	Nguyễn Văn Hùng	Trường THPT Số 1 Phù Mỹ	Đại học Quy Nhơn	3.000				6	500	3.000	
18	Huỳnh Anh Tứ	Trường THPT Số 1 Phù Mỹ	Đại học Quy Nhơn	3.000				6	500	3.000	
19	Đỗ Văn Chính	Trường THPT Bình Dương	Đại học Quy Nhơn	3.000				6	500	3.000	
20	Mai Xuân Lâm	Trường THPT Bình Dương	Đại học Quy Nhơn	3.000				6	500	3.000	
21	Nguyễn Phong Hải	Trường PTDTNT Vân Canh	Đại học Quy Nhơn	3.000				6	500	3.000	
22	Lê Thị Thu Ngọc	Trường PTDTNT Vĩnh Thạnh	Đại học Quy Nhơn	3.000				6	500	3.000	
23	Đỗ Thị Kim Cúc	Sinh viên	Học viện Hành chính QG TP.HCM	6.000				5	1.200	6.000	
II	Số viên chức nhập học năm 2012			117.500			44.200			73.300	
1	Nguyễn Thị Mai	Trường Quốc Học Quy Nhơn	Đại học Quy Nhơn	4.500	3	500	1.500	6	500	3.000	
2	Trần Thị Vân Hà	Trường Quốc Học Quy Nhơn	Đại học Quy Nhơn	6.500	5	500	2.500	8	500	4.000	
3	Huỳnh Lê Thanh Hòa	Trường THPT Hùng Vương	Đại học Quy Nhơn	6.500	5	500	2.500	8	500	4.000	

Số TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Cơ sở đào tạo	Tổng số	Năm 2012			Năm 2013			Ghi chú
					Số tháng đi học	Mức trợ cấp/tháng	Thành tiền	Số tháng đi học	Mức trợ cấp/tháng	Thành tiền	
4	Nguyễn Thị Minh Tâm	Trường THPT Hùng Vương	Đại học Quy Nhơn	6.500	5	500	2.500	8	500	4.000	
5	Đặng Thanh Phong	Trường THPT Hùng Vương	Đại học Quy Nhơn	6.500	5	500	2.500	8	500	4.000	
6	Bùi Công Phúc	Trường PTDTNT tỉnh	Đại học Quy Nhơn	6.500	5	500	2.500	8	500	4.000	
7	Huỳnh Thị Ngọc Thủy	Trường THPT Nguyễn Diêu	Đại học Quy Nhơn	6.500	5	500	2.500	8	500	4.000	
8	Nguyễn Đức Trung	Trường THPT Nguyễn Diêu	Đại học Quy Nhơn	6.500	5	500	2.500	8	500	4.000	
9	Nguyễn Thị Đông Vy	Trường THPT Nguyễn Diêu	Đại học Quy Nhơn	4.500	3	500	1.500	6	500	3.000	
10	Hồ Thanh Tuấn	Trường THPT Số 2 An Nhơn	Đại học Quy Nhơn	4.500	3	500	1.500	6	500	3.000	
11	Nguyễn Bá Tuấn	Trường THPT Số 3 An Nhơn	Đại học Quy Nhơn	6.500	5	500	2.500	8	500	4.000	
12	Nguyễn Văn Cường	Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu	Đại học Quy Nhơn	6.500	5	500	2.500	8	500	4.000	
13	Nguyễn Thanh Phương	Trường THPT Nguyễn Đình Chiểu	Đại học Quy Nhơn	4.500	3	500	1.500	6	500	3.000	
14	Nguyễn Thành Công	Trường THPT Số 1 Phù Cát	Đại học Đà Nẵng	10.500	6	700	4.200	9	700	6.300	
15	Nguyễn Thị Ngọc Dung	Trường THPT Số 1 Phù Cát	Đại học Quy Nhơn	6.500	5	500	2.500	8	500	4.000	
16	Trần Như Ngọc	Trường THPT Nguyễn Hữu Quang	Đại học Quy Nhơn	4.500	3	500	1.500	6	500	3.000	
17	Phạm Thị Mỹ Lệ	Trường THPT Bình Dương	Đại học Quy Nhơn	6.500	5	500	2.500	8	500	4.000	
18	Huỳnh Thị Hoài Trang	Trường THPT Tây Sơn	Đại học Quy Nhơn	6.500	5	500	2.500	8	500	4.000	
19	Nguyễn Hữu Duy	Trường THPT Võ Giữ	Đại học Quy Nhơn	6.500	5	500	2.500	8	500	4.000	

Ghi chú:

- Các cán bộ, công chức có thời gian đi học qua Tết Âm lịch tính trừ thời gian trợ cấp nghỉ 1/2 tháng.
- Số tiền thanh toán nếu thấp hơn đề nghị (nếu có) do thiếu chứng từ (hoặc chứng từ không hợp lệ).